

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng và khách hàng sử dụng điện được ưu tiên năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật điện lực ngày 03/12/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật điện lực ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

Căn cứ Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14/12/2013 của Bộ Công Thương về việc quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Căn cứ Quyết định số 3598/QĐ-BCT ngày 31/12/2020 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện Quốc gia năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Công thương tại Tờ trình số 04/TTr-SCT ngày 11/01/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách khách hàng sử dụng điện quan trọng và khách hàng sử dụng điện được ưu tiên trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2021 (Có phụ lục chi tiết kèm theo.)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

- Chỉ đạo Công ty Điện lực Sơn La tổ chức thực hiện cấp điện theo Danh sách khách hàng được phê duyệt tại Quyết định này.

- Tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện cung cấp điện của Công ty Điện lực Sơn La theo Danh sách khách hàng đã được phê duyệt tại Quyết định này. *✓*

2. Công ty Điện lực Sơn La:

- Xây dựng kế hoạch cung cấp điện theo công suất được phân bổ khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn năm 2021, trong đó đảm bảo ưu tiên cung cấp điện đối với danh sách khách hàng đã được phê duyệt tại Quyết định này, đặc biệt các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng diễn ra trong năm 2021.

- Thực hiện công bố công khai, tổ chức thực hiện việc cung cấp điện theo Danh sách khách hàng đã được phê duyệt tại Quyết định này.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống lưới điện; có nguy cơ gây mất an toàn nghiêm trọng cho người, thiết bị và hệ thống điện phải thực hiện đúng nội dung, trình tự quy định tại Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14/12/2013 của Bộ Công Thương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Công ty Điện lực Sơn La; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *qm*

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c)
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c)
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử;
- Chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, *Biên KT*. 30 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh



PHỤ LỤC I

Danh sách Khách hàng sử dụng điện quan trọng năm 2021 tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh)

STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
	Toàn tỉnh	1.933	1.272	1.464	11.262		
I	Thành phố Sơn La	615	333	485	6.875	E 17.2	
1	Tỉnh ủy				145	HỘI TRƯỞNG TỈNH ỦY	Lộ 476
2	UBND, HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh				125	HỘI TRƯỞNG TỈNH ỦY	Lộ 476
3	Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố				100	THÀNH ỦY	Lộ 476
4	Công an tỉnh Sơn La				120	SỞ CÔNG AN	Lộ 473
5	Công an tỉnh Sơn La (Trụ sở mới)				400	CÔNG AN TỈNH	Lộ 474
6	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh				95	BỘ CHQS TỈNH	Lộ 473
7	Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La				270	BIÊN PHÒNG	Lộ 476
8	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Sơn La				75	ĐÀI TRUYỀN HÌNH	Lộ 473
9	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa Thành phố				35	ĐÀI PHÁT THANH TP	Lộ 476
10	Công an thành phố Sơn La				40	CÔNG AN THÀNH PHỐ	Lộ 476
11	Ban chỉ huy Quân sự thành phố Sơn La				40	THÀNH ỦY	Lộ 476
12	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh				150	BỆNH VIỆN	Lộ 374
					100	BỆNH VIỆN	Lộ 476
13	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh (Bệnh viện 500 giường)				2500	BỆNH VIỆN ĐA KHOA	Lộ 473



	STT Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
14	Viện Quân Y 6				60	VIỆN QUÂN Y 6	Lộ 374
15	Bệnh viện ĐK cuộc sống				150	BỆNH VIỆN	Lộ 374
16	Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng				60	DA LIỄU	Lộ 476
17	Bệnh viện y học cổ truyền				160	MƯỜNG LA	Lộ 476
18	Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh				40	BỆNH VIỆN 2	Lộ 476
19	Báo Sơn La				10	TỔ 5 TỔ HIỆU	Lộ 473
20	Đài tiếng nói Việt Nam thường trú tại Sơn La				80	ĐÀI TNVN	Lộ 473
21	Bưu điện tỉnh	35	28	30		BƯU ĐIỆN	Lộ 476
22	Trung tâm Viễn thông TP (Tòa nhà VNPT)	120	90	65		VIỄN THÔNG SƠN LA	Lộ 476
23	Chi nhánh cấp nước TP	260	55	260		NHÀ MÁY NƯỚC 2	Lộ 476
24	Tòa nhà Viettel Sơn La	200	160	130		TÒA NHÀ VIETTEL	Lộ 476
25	Bệnh viện nội tiết				90	BỆNH VIỆN NỘI TIẾT	Lộ 471
26	Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La				30	VIỄN THÔNG SƠN LA	Lộ 476
27	Trung Tâm Hành chính tỉnh Sơn La				2000	T1; T2; T3	Lộ 473
II	Huyện Mai Sơn	270	197	85	540	E 17.2	
28	Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện				110	6/0,4 kV	Lộ 672
29	Công an huyện				60	35/0,4 kV	Lộ 378
30	Ban chỉ huy Quân sự huyện				38	6/0,4 kV	Lộ 671
31	Bệnh viện đa khoa huyện				140	35/0,4 kV	Lộ 371
32	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				35	6/0,4 kV	Lộ 672



STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
33	Bưu điện huyện				20	6/0,4 kV	Lộ 672
34	Trung tâm Viễn Thông Mai sơn	20	17	15		6,3/0,4 kV	Lộ 672
35	Chi nhánh cấp nước	250	180	70		35/0,4 kV	Lộ 378
36	Ra đa 37				40	35/0,4 kV	Lộ 378
37	Bệnh viện chống lao và bệnh phổi				45	0,4 kV	Lộ 371
38	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh				45	35/0,4kV	Lộ 382
39	Đồn biên phòng Phiêng Păn (Phiên hiệu 459)				7	35/0,4kV	Lộ 382
III	Huyện Yên châu	57	25	52	342	E 17.1	
37	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện				90	35/0,4 kV	Lộ 376
38	Công an huyện				40	35/0,4 kV	Lộ 376
39	Ban chỉ huy Quân sự huyện				37	35/0,4 kV	Lộ 376
40	Bệnh viện huyện				120	35/0,4 kV	Lộ 376
41	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 376
42	Bưu điện huyện				20	35/0,4 kV	Lộ 376
43	Trung tâm viễn thông	22	20	17		35/0,4 kV	Lộ 376
44	Chi nhánh cấp nước	35	5	35		35/0,4 kV	Lộ 376
IV	Huyện Mộc châu	445	640	333	790	E 17.1	
45	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện				150	22/0,4 kV	Lộ 474
46	Công an huyện				45	22/0,4 kV	Lộ 474
47	Ban chỉ huy Quân sự huyện				40	22/0,4 kV	Lộ 474
48	Bệnh viện đa khoa huyện				250	22/0,4 kV	Lộ 474
49	Bệnh viện đa khoa khu vực Thảo Nguyên				180	22/0,4 kV	Lộ 474
50	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				35	22/0,4 kV	Lộ 474
51	Bưu điện huyện				20	22/0,4 kV	Lộ 474



	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
52	Trung tâm viễn thông	35	20	18		22/0,4 kV	Lộ 474
53	Chi nhánh cấp nước	45	5	45		22/0,4 kV	Lộ 474
54	Nhà máy nước khu Nông trường	45	5	45		22/0,4 kV	Lộ 478
55	Ra đa 35	20	10	25		22/0,4 kV	Lộ 476
56	Đội PCCC&CNCH thị trấn Nông trường Mộc Châu				70	22/0,4kV	Lộ 474
57	Điện lực Hòa Phấn (Lào)	300	600	200		35kV	Lộ 372
V	Huyện Phù Yên	141	29	107	285	E 17.5	
58	Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện				90	10/0,4 kV	Lộ 972
59	Công an huyện				35	10/0,4 kV	Lộ 972
60	Ban chỉ huy Quân sự huyện				35	10/0,4 kV	Lộ 972
61	Bệnh viện đa khoa huyện				70	10/0,4 kV	Lộ 972
62	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				35	10/0,4 kV	Lộ 972
63	Bưu điện huyện				20	10/0,4 kV	Lộ 972
64	Trung tâm viễn thông Phù Yên	15	10	12		10/0,4 kV	Lộ 972
65	Chi nhánh cấp nước	85	5	85		10/0,4 kV	Lộ 972
66	Đài Truyền Thanh truyền hình Phù Yên (Trạm phát sóng FM)	41	14	10		35/0,4kV	Lộ 375
VI	Huyện Bắc yên	18	5	18	340	E 17.5	
67	Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện				80	35/0,4 kV	Lộ 373
68	Công an huyện				40	35/0,4 kV	Lộ 373
69	Ban chỉ huy Quân sự huyện				40	35/0,4 kV	Lộ 373
70	Bệnh viện đa khoa huyện				110	35/0,4 kV	Lộ 373
71	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 373
72	Bưu điện huyện				20	35/0,4 kV	Lộ 373

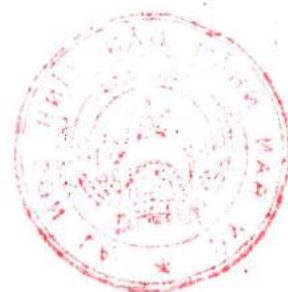


STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
73	Trung tâm viễn thông				15	35/0,4 kV	Lộ 374
74	Chi nhánh cấp nước	18	5	18		35/0,4 kV	Lộ 373
VII	Huyện Quỳnh nhai	32	8	24	280	E 17.4	
75	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện				90	35/0,4 kV	Lộ 373
76	Công an huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 373
77	Ban chỉ huy Quân sự huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 373
78	Bệnh viện Đa Khoa huyện				65	35/0,4 kV	Lộ 373
79	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 373
80	Bưu điện huyện				20	35/0,4 kV	Lộ 373
81	Trung tâm Viễn Thông	15	5	7		35/0,4 kV	Lộ 374
82	Chi nhánh cấp nước	17	3	17		35/0,4 kV	Lộ 373
VIII	Huyện Thuận châu	85	5	85	355	E 17.4	
83	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện				95	35/0,4 kV	Lộ 373
84	Công an huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 373
85	Ban chỉ huy Quân sự huyện				30	35/0,4 kV	Lộ 373
86	Bệnh viện huyện				60	35/0,4 kV	Lộ 373
87	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				25	35/0,4 kV	Lộ 373
88	Trạm phát sóng FM				55	35/0,4 kV	Lộ 373
89	Bưu điện huyện				20	35/0,4 kV	Lộ 373
90	Trung tâm Viễn Thông				35	35/0,4 kV	Lộ 373
91	Chi nhánh cấp nước	85	5	85		35/0,4 kV	Lộ 373
IX	Huyện Sông Mã	90	5	90	405	E 17.30	
92	Huyện ủy, HĐND, UBND huyện				90	35/0,4 kV	Lộ 373
93	Công an huyện				30	35/0,4 kV	Lộ 373
94	Ban chỉ huy Quân sự huyện				30	35/0,4 kV	Lộ 373

STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
95	Bệnh viện đa khoa huyện				185	35/0,4 kV	Lộ 373
96	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				25	35/0,4 kV	Lộ 373
97	Bưu điện huyện				20	35/0,4 kV	Lộ 373
98	Trung tâm Viễn Thông				25	35/0,4 kV	Lộ 373
99	Chi nhánh cấp nước	90	5	90		35/0,4 kV	Lộ 373
X	Huyện Sốp cốp	85	5	85	425	E 17.30	
100	Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện				65	35/0,4 kV	Lộ 371
101	Công an huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 371
102	Ban chỉ huy Quân sự huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 371
103	Đoàn kinh tế Quốc phòng 326				40	35/0,4 kV	Lộ 371
104	Bệnh viện đa khoa huyện				180	35/0,4 kV	Lộ 371
105	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 371
106	Bưu điện huyện				20	35/0,4 kV	Lộ 371
107	Trung tâm Viễn Thông				15	35/0,4 kV	Lộ 371
108	Chi nhánh cấp nước	85	5	85		35/0,4 kV	Lộ 371
XI	Huyện Mường La	50	5	55	405	E 17.3	
109	Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện				120	35/0,4 kV	Lộ 377
110	Công an huyện				40	35/0,4 kV	Lộ 377
111	Ban chỉ huy Quân sự huyện				45	35/0,4 kV	Lộ 377
112	Bệnh viện huyện				75	35/0,4 kV	Lộ 377
113	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				40	35/0,4 kV	Lộ 377
114	Bưu điện huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 377
115	Trung tâm viễn thông				50	35/0,4 kV	Lộ 375
116	Chi nhánh cấp nước	50	5	55		35/0,4 kV	Lộ 377
XII	Huyện Vân Hồ	45	15	45	220	E 17.1	



STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
117	Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện				50	35/0,4 kV	Lộ 476
118	Công an huyện				35	35/0,4 kV	Lộ 476
119	Ban chỉ huy Quân sự huyện				25	35/0,4 kV	Lộ 476
120	Bệnh viện huyện				55	35/0,4 kV	Lộ 476
121	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện				15	35/0,4 kV	Lộ 476
122	Bưu điện huyện				25	35/0,4 kV	Lộ 476
123	Trung tâm Viễn thông				15	35/0,4 kV	Lộ 476
124	Chi nhánh cấp nước Vân Hồ	45	15	45		35/0,4 kV	Lộ 476





PHỤ LỤC II

Danh sách Khách hàng sử dụng điện ưu tiên năm 2021 tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số: 65./QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh)



STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
	Toàn tỉnh	62.443	42.161	47.499	1.915		
I	Thành phố Sơn La	3.107	1.854	1.627	1.825	E 17.2	
1	Nhà máy gạch Tuynel Sơn Hưng Trung	652	124	652		SƠN HƯNG TRUNG	Lộ 376
2	Nhà máy gạch Tuynel Sơn La	500	85	500		TUY NEL 1	Lộ 376
3	Trường Chính trị tỉnh				250	TRƯỜNG CHÍNH TRỊ	Lộ 476
4	Trường Đại học Tây Bắc				680	ĐẠI HỌC TÂY BẮC	Lộ 374
5	Trường cao đẳng y Sơn La				100	TRƯỜNG Y	Lộ 471
6	Trường Cao đẳng Sơn La				350	CAO ĐẲNG	Lộ 476
7	Công ty TNHH Nhà nước 1 TV Môi trường Đô thị	390	160	25		XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN	Lộ 478
8	Trạm bơm nước Bản Cọ				15	SỞ CÔNG AN CŨ	Lộ 471
9	Trạm bơm nước Bản Tông				15	BẢN TÔNG	Lộ 374
10	Trạm bơm nước Bản Panh				15	CHIỀNG XÔM	Lộ 374
11	Trạm bơm nước Bản Chậu				15	BẢN CHẬU	Lộ 374
12	Công ty CP xi măng Mai Sơn (Trạm bê tông Chiềng Sinh)	200	120	200		XI MĂNG MAI SƠN	Lộ 373
13	Trường Chuyên Sơn La				30	TRƯỜNG CHUYÊN	Lộ 474
14	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc				185	TRƯỜNG TC LUẬT	Lộ 478



	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
15	Trường VH nghệ thuật tỉnh Sơn La				30	TRƯỜNG VHNT	Lộ 478
16	CTy cổ phần VIMCOM RETAIL	1.365	1.365	250		VINCOM TM	Lộ 473
17	Trung Tâm Huấn Luyện và Thi Đấu Thể Dục Thể Thao Tỉnh				110	TT THỂ THAO TỈNH	Lộ 478
18	TT Huấn luyện & thi đấu TDTT Tỉnh				30	SÂN VẬN ĐỘNG	Lộ 471
II	Huyện Mai Sơn	31.193	23.996	22.381	83	E 17.2	
19	Công ty TNHH Sông Lam (Nhà máy xi măng Mai Sơn)	17.200	17.200	11.200		110/6,3 kV	E 17.1
20	Công ty CP mía đường SLa	1000	45	1000		35/0,4kV	Lộ 378
21	NM tinh bột sắn Phú Yên	1800	1600	2140		35/0,4kV	Lộ 378
22	Trạm bơm nước Chiềng Dong	11	0	11		35/0,4kV	Lộ 382
23	Trạm bơm nước Bản Mạt				28	Bản Mạt	
24	Trạm bơm nước Chiềng Sung				11	Hòa Bình 1	
25	Trạm bơm nước Phiêng Cầm				11	Phiêng Cầm	
26	Trạm bơm nước xã Hát Lót				11	TK 12	
27	Trạm bơm nước Tong Tãi B				11	Tong Tãi	
28	Trạm bơm nước Chiềng Đông				11	Chiềng Đông	
29	Xưởng đúc phôi thép Ngô Việt Thành	1.000	250	1.000		35/0,4 kV	Lộ 382
30	Khu Công nghiệp Mai Sơn	3.500	1.500	2.000		35/0,4 kV	Lộ 378

91



STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
31	Nhà máy chế biến tinh bột sắn BHL (Khu CN Mai Sơn)	2.937	1.955	1.955		35/0,4 kV	Lộ 378
32	Nhà máy cà phê Phúc Sinh - Mai Sơn	950	250	950		35/0,4 kV	Lộ 382
33	Công ty cổ phần gạch Mai Sơn	1246	135	1246		35/0,4 kV	Lộ 378
34	Công ty cổ phần chăn nuôi Minh Thúy - Chiềng Chung	705	450	705		35/0,4kV	Lộ 382
35	HTX xây dựng và phát triển nông thôn Mường Chanh	680	550	10		35/0,4kV	Lộ 382
36	CTy Cổ phần chăn nuôi Lộc Phát BLLT	164	61	164		35/0,4kV	Lộ 378
III	Huyện Mộc châu	2.207	5.383	11.267	-	E 17.1	
37	Nhà máy sữa UHT	580	320	580		22/0,4 kV	Lộ 478
38	Nhà máy sữa UHT - TBA 400	330	110	330		22/0,4 kV	Lộ 478
39	Nhà máy chè đen	160	30	160		22/0,4 kV	Lộ 478
40	Nhà máy chè Đài loan	80	20	80		22/0,4 kV	Lộ 476
41	NM gạch tuynel Mộc Châu	260	75	260		35/0,4 kV	Lộ 372
42	Công ty CP Khoáng Sản Tây Bắc (Nhà máy luyện Kim loại màu)	1.450	250	1.450		35/0,4 kV	Lộ 374
43	Nhà máy chè Chiềng Đi	250	100	250		22/0,4 kV	Lộ 478
44	Nhà máy chè Tô Múa-Vân Hồ	250	60	250		35/0,4 kV	Lộ 374
45	Công ty TNHH Trà Mộc	250	80	250		35/0,4 kV	Lộ 374
46	Doanh Nghiệp Tư Nhân chè Mộc Sương	160	60	160		22/0,4 kV	Lộ 476
47	Trạm Trại bò Mẫu	260	130	260		22/0,4 kV	Lộ 476

STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
48	Nhà máy SX tre công nghiệp	360	65	360		22/0,4 kV	Lộ 476
49	Công ty TNHH Chung Đức	63,7	10	63,7		22/0,4 kV	Lộ 474
50	Công ty CP chè Cờ Đỏ MC	250	60	250		22/0,4 kV	Lộ 476
51	Công ty CP chè Chiềng Ve	70	30	70		35/0,4 kV	Lộ 372
52	Nhà máy chè Tô Múa	250	100	250		35/0,4 kV	Lộ 374
53	Công ty CP Sơn Hà (SX chè)	250	100	250		22/0,4 kV	Lộ 478
54	Công ty TNHH Chế biến chè Tân Lập	250	80	250		22/0,4 kV	Lộ 476
55	Công ty TNHH Đại Lộc Mộc Châu (NM chè Lóng Luông)	250	100	250		22/0,4 kV	Lộ 472
56	Công ty TNHH TM&XD Thái Sơn (Bơm nước Hang Trùng)	50	50	50		22/0,4 kV	Lộ 472
57	Đồn Biên phòng Cửa khẩu Pa Háng (Trạm bơm Phiêng Cài)	22	22	22		Phiêng Cài	
58	Công ty TNHH Năng lượng MC xanh (Nhà máy SX thanh nhiên liệu không khói)	350	60	350		22/0,4 kV	Lộ 478
59	UBND xã Tô Múa (Trạm bơm Liên Hưng và Bản Đạo)	21	21	21		LH, Tô Múa	
60	Cụm Công nghiệp Mộc Châu	1000	600	800		22/0,4 kV	Lộ 474
61	Gạch tuyen Chiềng Khoa Vân Hồ	400	100	200		35/0,4kV	Lộ 374
62	Nhà máy chè Đen 4	160	50	100		22/0,4kV	Lộ 476
63	Nhà máy Chè Liên Hưng - Tô Múa	160	50	50		35/0,4kV	Lộ 374



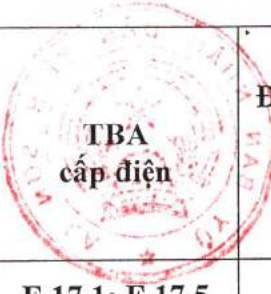
	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
64	Khu du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp rừng thông, bản Áng	1600	1600	1600		35/0,4kV	Lộ 372; 376
65	Nhà máy chế biến chanh leo	320	120	320		22/0,4kV	Lộ 474
66	HTX chè Vân Hồ	180	60	180		35/0,4kV	Lộ 374
67	Công Ty Cổ Phần MTG Việt Nam	150	60	150		35/0,4kV	Lộ 372
68	Công Ty TNHH IC Food SonLa	320	200	300		22/0,4kV	Lộ 474
69	Công Ty Cổ Phần Hoa Nhiệt Đới	320	150	250		35/0,4kV	Lộ 376
70	CTy cổ phần giống bò sữa Mộc Châu. Xưởng chế biến sữa thanh trùng	250	60	150		22/0,4kV	Lộ 474
71	Công Ty Cổ Phần Nafoods Tây Bắc	320	250	250		22/0,4kV	Lộ 474
72	HTX Nà Ngà - Mường Sang	560	100	500		35/0,4kV	Lộ 376
73	Trại chăn nuôi Thực Tâm	250	50	200		35/0,4kV	Lộ 376
IV	Huyện Phù Yên	2272	930	427	7	E17.5	
72	Công ty CP Giấy Ngọc Hà (giấy da 3)	195	113	6		35/0,4 kV	Lộ 375
73	Công ty CP giấy Ngọc Hà (giấy da 1)	387	207	18		35/0,4 kV	Lộ 375
74	Công ty TNHH May Phù Yên	297	136	23		35/0,4 kV	Lộ 371
75	Trại giam Yên Hạ (phân trại 1)	155	55	60		35/0,4kV	Lộ 375
76	Trại giam Yên Hạ (phân trại 2)	118	32	29		35/0,4kV	Lộ 375
77	Trại giam Yên Hạ (lò gạch)	149	68	33		35/0,4kV	Lộ 375

Am

STT	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
78	Trại giam Yên Hạ (trạm yên hạ 4)	272	83	45		35/0,4kV	Lộ 375
79	Trại giam Yên Hạ (trạm yên hạ 3)	138	47	49		35/0,4kV	Lộ 375
80	Trại giam Yên Hạ (Trung tâm y tế)				7	35/0,4kV	Lộ 375
81	Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình (thi công TĐ Háng Đồng A2)	276	102	88		35/0,4kV	Lộ 373
82	Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình (thi công TĐ Háng Đồng A2)	55	18	23		35/0,4kV	Lộ 373
83	Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình (Suối Tọ)	230	69	53		35/0,4kV	Lộ 375
V	Huyện Sông Mã	1.716	1.665	151	0	E 17.30	
84	Công ty Cổ phần vật liệu XD Sông Mã (NM gạch Sum Côn)	830	830	90		35/0,4 kV	Lộ 373
85	Công ty TNHH TM và XD Thái Sơn (Trạm Bơm nước Chiềng Khuong)	126	75	15		35/0,4 kV	Lộ 375
86	Nhà máy gạch Tuynel Quyết Tiến (xã Nà Nghịu)	760	760	46		35/0,4 kV	Lộ 375
VI	Huyện Mường La	1.450	250	1.400	0	E 17.3	
87	Công Ty CP May Tiên Sơn - Mường La	400	60	300		35/0,4kV	Lộ 377
88	Tự dùng Nhà máy thủy điện Huổi Quảng.	300	60	250		35/0,4 kV	Lộ: 379; 381
89	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tiến Anh (thi công TĐ Ngọc Chiến)	350	50	400		35/0,4 kV	Lộ: 379; 377



	Khách hàng	Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
90	Công ty Cổ phần Việt Dũng (thị công TĐ Chiềng Muôn)	400	80	450		35/0,4 kV	Lộ: 371
VII	Huyện Thuận Châu	1420	365	1420	0	E 17.4	
91	Nhà máy gạch Tuynel Thuận Châu	460	100	460		35/0,4 kV	Lộ 373
92	Trạm bơm nước cao su	60	15	60		35/0,4 kV	Lộ 374
93	NM chế biến mù cao su	900	250	900		35/0,4 kV	Lộ 375
VIII	Huyện Bắc Yên	388	128	136		E 17.5	
94	Công ty Cường Thịnh (thị công TĐ Hồng Ngài)	133	43	56		35/0,4 kV	Lộ 373
95	Công ty Cường Thịnh (thị công TĐ Hồng Ngài)	202	64	59		35/0,4 kV	Lộ 373
96	Trại chăn nuôi Cao Đa	53	21	21		35/0,4 kV	Lộ 373
VIII	Huyện Vân Hồ	7.710	7.310	7.710	-	E 17.1	
97	Công ty CP Khoáng Sản Tây Bắc (Mỏ than Suối Bàng 2 (Vân Hồ))	1.000	600	1.000		35/0,4kV	Lộ 374
98	Nhà máy chế biến quả và đồ uống công nghệ cao huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	1780	1780	1780		22/0,4kV	Lộ 472
99	Nhà máy chế biến nông sản SI – Vân Hồ	1500	1500	1500		22/0,4kV	Lộ 472
100	Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu	600	600	600		Dự kiến đưa vào năm 2021	
101	Công ty cổ phần chăn nuôi Minh Thụ	2000	2000	2000		Dự kiến đưa vào năm 2021	
102	Công ty cổ phần khoa học hữu nghị Việt Nam – Hàn Quốc	200	200	200		Dự kiến đưa vào năm 2021	
103	Nhà máy chế biến chanh leo, rau, củ quả xuất khẩu	630	630	630		Dự kiến đưa vào năm 2021	

STT Khách hàng		Công suất sử dụng (kW)				TBA cấp điện	Đường dây cấp điện
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá		
IX	Huyện Yên Châu	980	280	980		E 17.1; E 17.5	
104	Trại chăn nuôi Chiềng Hắc	180	80	180			Lộ 376
105	Công trường thi công Thủy điện Phiêng Côn	800	200	800			Lộ 371

21